

HƯỚNG DẪN

Nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, đào tạo nghề cho người có đất thu hồi theo Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Luật Việc làm năm 2013; Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg ngày 23/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên;

Căn cứ Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi;

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, đào tạo nghề cho người có đất thu hồi như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, đào tạo nghề cho người có đất thu hồi theo Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Đối tượng áp dụng

- a) Các đơn vị thuộc hệ thống NHCSXH;
- b) Người có đất thu hồi được quy định tại Khoản 2 văn bản này;
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Đối tượng vay vốn

Người có đất thu hồi theo quy định tại Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, đào tạo nghề có tên trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được phê duyệt do Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập và tổ chức thực hiện (sau đây gọi chung là khách hàng), gồm:

2.1. Người thuộc hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 109 của Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai (sau đây gọi chung là người có đất nông nghiệp thu hồi), gồm:

a) Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đang sử dụng đất nông nghiệp do được Nhà nước giao, nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho, được công nhận quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất không có đất để bồi thường và đã được bồi thường bằng tiền, cụ thể là cá nhân, hộ gia đình đang sử dụng đất nông nghiệp mà tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó, loại trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

b) Cá nhân thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng theo quy định của pháp luật, thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường và đã được bồi thường bằng tiền;

c) Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó, trừ trường hợp cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp;

d) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất của tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên đất đó.

2.2. Người thuộc hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai (sau đây gọi chung là người có đất kinh doanh thu hồi) là hộ gia đình,

cá nhân sử dụng đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ có nguồn thu nhập ổn định từ hoạt động kinh doanh dịch vụ, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở.

3. Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm

3.1. Điều kiện vay vốn

a) Khách hàng phải thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 văn bản này.

b) Ngoài các điều kiện vay vốn quy định tại Điều 13 Luật Việc làm năm 2013, tại thời điểm vay vốn khách hàng phải có Quyết định thu hồi đất trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

3.2. Thủ tục và quy trình cho vay

Thực hiện theo quy định tại văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và văn bản số 10575/NHCS-TDSV ngày 30/12/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi, bổ sung văn bản số 8055/NHCS-TDSV và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác có liên quan của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Ngoài ra, khách hàng cung cấp cho NHCSXH nơi cho vay Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực/công chứng hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp).

3.3. Nguyên tắc cho vay; mức cho vay; lãi suất cho vay; thời hạn cho vay; điều kiện bảo đảm tiền vay; phương thức cho vay và thẩm quyền phê duyệt hồ sơ vay vốn; tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng; tổ chức giải ngân; định kỳ hạn trả nợ, trả lãi; thu nợ, thu lãi; kiểm tra, giám sát; xử lý nợ đến hạn; xử lý các vi phạm; xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định tại văn bản số 8055/NHCS-TDSV, văn bản số 10575/NHCS-TDSV và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác có liên quan của Tổng Giám đốc NHCSXH.

4. Cho vay đào tạo nghề cho người có đất thu hồi

4.1. Điều kiện vay vốn

a) Khách hàng phải thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 văn bản này và cư trú tại địa phương nơi cho vay.

b) Khách hàng tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, trung cấp, cao đẳng được vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên một lần theo chính sách quy định tại văn bản này: ngoài các điều kiện vay vốn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, tại thời điểm vay vốn khách hàng phải có Quyết định thu hồi đất trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

4.2. Thủ tục và quy trình cho vay

Thực hiện theo quy định tại văn bản số 2162A/NHCS-TD ngày 02/10/2007 về hướng dẫn thực hiện cho vay đối với học sinh, sinh viên theo Quyết định số

157/2007/QĐ-TTg.

Ngoài ra, khách hàng cung cấp cho NHCSXH nơi cho vay Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền (bản sao có chứng thực/công chứng hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp).

4.3. Mức vốn cho vay; lãi suất cho vay; thời hạn cho vay; phương thức cho vay; tổ chức giải ngân; định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi tiền vay; gia hạn nợ; chuyển nợ quá hạn; kiểm tra vốn vay được thực hiện theo quy định tại văn bản số 2162A/NHCS-TD ngày 02/10/2007 về hướng dẫn thực hiện cho vay đối với học sinh, sinh viên theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg; văn bản số 3699/NHCS-TDSV ngày 12/5/2022 về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg và các văn bản hướng dẫn hiện hành khác của Tổng Giám đốc NHCSXH có liên quan.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Hạch toán kế toán và lưu trữ hồ sơ vay vốn

Công tác hạch toán kế toán và lưu trữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

5.2. Chế độ báo cáo thống kê

Chế độ báo cáo thống kê được thực hiện theo các quy định của NHCSXH.

5.3. Trách nhiệm của chi nhánh các tỉnh, thành phố và Phòng giao dịch NHCSXH:

a) Báo cáo UBND, Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp về việc triển khai thực hiện Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg, các nội dung hướng dẫn tại văn bản này và các văn bản khác có liên quan.

b) Thực hiện đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn này về nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, đào tạo nghề cho người có đất thu hồi. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ, quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện có hiệu quả Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg và văn bản hướng dẫn này.

c) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tuyên truyền, phổ biến công khai Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg đến các cấp, các ngành và người dân biết để thực hiện và giám sát.

d) Phối hợp với các cơ quan có liên quan để tiếp nhận phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm do Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập và phê duyệt làm căn cứ cho vay.

6. Hiệu lực thi hành

6.1. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2024 và thay thế văn bản số 329/NHCS-TDSV ngày 03/02/2016 của Tổng Giám đốc hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm đối với người lao động bị

thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Các nội dung trái với nội dung văn bản này đều hết hiệu lực thi hành.

6.2. Đối với các khoản vay đã được NHCSXH phê duyệt cho vay trước ngày Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các nội dung quy định tại văn bản số 329/NHCS-TDSV và các văn bản khác có liên quan.

6.3. Trường hợp sau ngày ban hành văn bản này có sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến việc áp dụng văn bản này trái với quy định của pháp luật hiện hành thì NHCSXH nơi cho vay thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

6.4. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung văn bản này do Tổng Giám đốc NHCSXH quyết định. Yêu cầu Giám đốc Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các đơn vị có liên quan trong hệ thống NHCSXH tổ chức triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo Tổng Giám đốc NHCSXH (qua Ban Tín dụng Học sinh sinh viên và các đối tượng chính sách khác) để xem xét, giải quyết./.

(Gửi kèm: Quyết định số 12/2024/QĐ-TTg ngày 31/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi).

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ LĐTB&XH;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Hội LHPN, HCCB, HND, ĐTN (để phối hợp);
- Các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các cấp;
- TGD, TBKS NHCSXH;
- Các PTGD, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- Ban KTKSNB KVMN;
- Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, TP;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDSV.

(để báo cáo);

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Văn Thuận

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2024/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm
và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: C
Ngày: 02/8/2024

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 109 của Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có đất thu hồi bao gồm:

a) Người thuộc hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 109 của Luật Đất đai và các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai (sau đây gọi chung là người có đất nông nghiệp thu hồi);

b) Người thuộc hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai (sau đây gọi chung là người có đất kinh doanh thu hồi).

2. Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Điều kiện hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Người có đất thu hồi được hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng khi có đủ điều kiện sau đây: Là người lao động

theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội.

Điều 4. Thời hạn hỗ trợ

Người có đất thu hồi được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất.

Điều 5. Hỗ trợ đào tạo nghề

1. Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng được hỗ trợ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

2. Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được hỗ trợ học phí cho một khóa học.

Mức học phí được hỗ trợ bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định của pháp luật.

3. Người có đất thu hồi tham gia đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng, trung cấp, cao đẳng được vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên.

Phương thức cho vay, mức vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, hồ sơ và trình tự, thủ tục cho vay thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

4. Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xây dựng trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và được tính trong chi phí đầu tư của dự án hoặc tổng kinh phí của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Người có đất thu hồi được hỗ trợ đào tạo nghề một lần theo chính sách quy định tại Điều này.

Điều 6. Hỗ trợ giải quyết việc làm trong nước

Người có đất thu hồi được hỗ trợ:

1. Tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí tại trung tâm dịch vụ việc làm;

2. Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng ưu đãi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Người có đất nông nghiệp thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Người có đất kinh doanh thu hồi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ như người lao động có đất nông nghiệp thu hồi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Kinh phí hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được xây dựng trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và được tính trong chi phí đầu tư của dự án hoặc tổng kinh phí của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Người có đất thu hồi được hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng một lần theo chính sách quy định tại Điều này.

Điều 8. Hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Người có đất thu hồi được vay vốn ưu đãi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Điều kiện vay vốn:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

c) Có đăng ký thường trú trên địa bàn nơi Ngân hàng Chính sách xã hội giải quyết thủ tục cho người có đất thu hồi vay vốn;

d) Có bảo đảm tiền vay theo quy định pháp luật đối với mức vay trên 100 triệu đồng.

3. Mức vay vốn tối đa 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

4. Lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

5. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vay vốn theo quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Thời hạn vay vốn tối đa bằng thời hạn hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi lao động ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng.

7. Xử lý nợ rủi ro vốn vay thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

8. Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn về hồ sơ, trình tự, thủ tục vay vốn, định kỳ hạn trả nợ, điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức việc cho vay đối với người có đất thu hồi theo quy định tại Quyết định này.

3. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm và khi có yêu cầu, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm báo cáo kết quả đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người có đất thu hồi gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi.

Điều 10. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 và thay thế Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

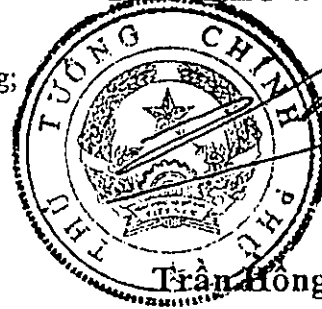
2. Người có đất thu hồi đã vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất thì tiếp tục thực hiện theo các hợp đồng đã ký kết.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3). 444

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà